

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày 07-4-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Kiên
2. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 740/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022; giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Hẻm 256/2/40B T C, Tổ 07, phường T B, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2 - Bị đơn: Anh Trương Minh C, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Hẻm 256/2/40B T C, Tổ 07, phường T B, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21-12-2021 lời khai trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trương Minh C qua tìm hiểu tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T B, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào năm 2008. Sau khi kết hôn, thời gian đầu chị và anh C chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2017 giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn. Nguyên nhân mâu thuẫn là giữa hai vợ chồng không đồng quan điểm, thường xảy ra xung đột, cãi vã hơn nữa anh C không lo làm ăn, thường xuyên rượu chè về đánh đập vợ con. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã kéo dài và thực sự trầm trọng,

tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Minh C.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Trương Minh C có hai con chung là Trương Nguyễn Thanh T, sinh ngày 19/01/2009 và Trương Anh K, sinh ngày 06/10/2011. Ly hôn, chị A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung theo nguyện vọng của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Chị tự thỏa thuận với anh Trương Minh C, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14-01-2022 bị đơn anh Trương Minh C trình bày:

Anh Trương Minh Châu thống nhất như lời trình bày của chị Nguyễn Thị Thúy C về hôn nhân, về thời gian đăng ký kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, về con chung, về tài sản chung và nghĩa vụ chung. Anh không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy A vì lí do còn hai con tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh muốn vợ chồng hàn gắn lại. Trường hợp nếu phải ly hôn anh không đồng ý giao con cho chị A nuôi, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng;

Về tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Đảm bảo theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án và hướng giải quyết: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Chị Nguyễn Thị Thúy A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Trương Minh C theo quy định của pháp luật.

Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy A được làm theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Tòa án thụ lý, xem xét. Anh C cư trú tại thành phố P, tỉnh Gia Lai, nên Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn anh Trương Minh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt

không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy A và anh Trương Minh C tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T B, thành phố P, tỉnh Gia Lai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 07 tháng 01 năm 2008. Vì vậy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thúy A và anh Trương Minh C là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy A thì thấy, yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy A không được anh Trương Minh C đồng ý. Theo chị Nguyễn Thị Thúy A khai thì trong quá trình chung sống với nhau, giữa chị và anh C đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, không còn tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, gây tổn thương sâu sắc về tình cảm, anh C không lo mâm ăn, thường xuyên rượu chè về đánh đập vợ con, hiện chị không còn tình cảm với anh C, do mâu thuẫn căng thẳng chị và anh C đã sống ly thân được một thời gian không ai quan tâm và trách nhiệm gì với nhau. Anh C không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy A vì lí do còn hai con tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh muốn vợ chồng hàn gắn lại.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành xác minh nguyên nhân, tình trạng mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị Thúy A và anh Trương Minh C thể hiện mâu thuẫn hôn nhân giữa anh chị là có thật, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị Nguyễn Thị Thúy A trình bày. Tòa án cũng tiến hành hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ với nhau nhưng anh C không đến Tòa án để tham gia hòa giải, chứng tỏ anh C không quan tâm đến việc có cần tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân của vợ chồng hay không. Đến nay chị Nguyễn Thị Thúy A khẳng định không còn tình cảm yêu thương anh C nữa nên chị vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Từ những nhận định trên thấy rằng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chị A và anh C đã làm cho tình trạng hôn nhân giữa chị A và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, quan hệ vợ chồng đã thực sự không thể hàn gắn được nữa, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên chị A yêu cầu được ly hôn với anh C là có căn cứ, được chấp nhận.

Về con chung:

Trong thời kỳ hôn nhân chị Nguyễn Thị Thúy A và anh Trương Minh C có hai con chung là Trương Nguyễn Thanh T, sinh ngày 19/01/2009 và Trương Anh K, sinh ngày 06/10/2011. Ly hôn chị A và anh C đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tuy nhiên hiện nay hai con chung đang được chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, hai con chung đều có nguyện vọng được ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị A, giao hai con chung cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung thành niên và có khả năng tự lập được.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung:

Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không quyết định.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị A không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không quyết định.

[4] *Về án phí:* Chị A là nguyên đơn, phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 94, 144, 146, 147, 207, 227, 228, 235, 264, 266, 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy A được ly hôn anh Trương Minh C.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Trương Nguyễn Thanh T, sinh ngày 19/01/2009 và Trương Anh K, sinh ngày 06/10/2011 cho chị Nguyễn Thị Thúy A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001160 ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai; Chị Nguyễn Thị Thúy A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc

thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. P;
- Chi cục THADS Tp P;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND phường Trà Bá, TP P,
Tỉnh Gia Lai(Giấy CNKH số 01/2008
ngày 07-01-2008);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm

